

LUẬT ĐẦU THẦU
SỐ 22/2023/QH15
TS. Nguyễn Văn Sơn
ĐT: 0916722662
Email: sonnv@tlu.edu.vn

Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp (Điều 95 và Điều 96 Luật 22)

- Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày **01 tháng 01 năm 2024**.
- Các gói thầu lựa chọn nhà thầu **đã phê duyệt và phát hành hồ sơ** mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Phạm vi điều chỉnh (Điều 1 Luật 22)

Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu; thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đấu thầu; hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

Đối tượng áp dụng (Điều 2 Luật 22)

Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 áp dụng đối với :

1. Hoạt động lựa chọn nhà thầu có sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập đề:

a) Thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác;

b) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; mua hàng dự trữ quốc gia, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, trừ hoạt động mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;

c) Thực hiện các công việc khác phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật có liên quan;

Đối tượng áp dụng (Điều 2 Luật 22) (tiếp)

2. Hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện:

a) Các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Gói thầu trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, thiết bị hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

* Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc đối tượng áp dụng Luật được tự quyết định chọn áp dụng toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể của Luật này.

Các trường hợp được tự quyết định việc LCNT (Khoản 7 Điều 3 Luật 22)

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong các trường hợp:

- Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu sử dụng vốn do tổ chức, cá nhân trong nước tài trợ mà nhà tài trợ yêu cầu không lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu
- Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Việc thuê, mua, thuê mua nhà, trụ sở, tài sản gắn liền với đất

Các trường hợp được tự quyết định việc LCNT (Khoản 7 Điều 3 Luật 22) (tiếp)

- Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; *lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu;*

Các trường hợp được tự quyết định việc LCNT (Khoản 7 Điều 3 Luật 22) (tiếp)

- Việc xác định hòa giải viên, thành viên trong ban phân xử tranh chấp, hội đồng trọng tài để xử lý tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng do các bên tự quyết định theo quy định của hợp đồng;
- Mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá bán do Nhà nước định giá cụ thể theo quy định của pháp luật về giá;
- Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí, hàng hóa phục vụ hoạt động dầu khí phù hợp với hợp đồng dầu khí được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Dầu khí.

VỀ CÁC KHÁI NIỆM, ĐỊNH NGHĨA,
THUẬT NGỮ SỬ DỤNG
(Điều 4 Luật Đấu thầu 22)

Bỏ khái niệm vốn nhà nước

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 không còn quy định liên quan đến vốn nhà nước nên bỏ khái niệm về “Vốn nhà nước”

Chỉnh sửa định nghĩa về “Chủ đầu tư”

Chủ đầu tư là:

- Cơ quan, tổ chức sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn, quản lý quá trình thực hiện dự án;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng dự toán mua sắm ngoài ngân sách nhà nước;
- Đơn vị mua sắm tập trung

Rút ngắn khái niệm về bên mời thầu (Khoản 1 Điều 4 Luật 22)

Bên mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu là cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu, bao gồm:

Chủ đầu tư hoặc tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn;

Bổ sung định nghĩa về “Dự toán mua sắm”

Dự toán mua sắm là:

-Dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi dự toán *ngân sách nhà nước* được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác;

-Dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi *nguồn tài chính hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.*

Chỉnh sửa thuật ngữ “Dự án đầu tư phát triển” thành “Dự án đầu tư” (Khoản 6 Điều 4 Luật 22)

- Định nghĩa ngắn gọn hơn về Dự án đầu tư
- Dự án đầu tư (sau đây gọi là dự án) bao gồm: chương trình, dự án đầu tư xây dựng mới; dự án mua sắm tài sản; dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng; dự án, nhiệm vụ, đề án quy hoạch; hỗ trợ kỹ thuật; các chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật.

Chỉnh sửa phần liệt kê các “dịch vụ tư vấn” và “dịch vụ phi tư vấn” (Khoản 4, 5 Điều 4 Luật 22)

- Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn: Bổ sung thêm gói thầu báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; bỏ 02 loại gói thầu là dịch vụ đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ.
- Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn: Bổ sung các gói thầu dịch vụ như in ấn; vệ sinh; truyền thông và chụp ảnh vệ tinh.

Mở rộng khái niệm gói thầu “Hàng hóa”

Hàng hóa gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; *phần mềm thương mại*.

Bỏ thuật ngữ HSYC, sử dụng thuật ngữ HSMT đối với hình thức chào hàng cạnh tranh

- Hồ sơ mời thầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, *chào hàng cạnh tranh*, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Hồ sơ yêu cầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, đàm phán giá, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.

Làm rõ hơn khái niệm “Tổ chuyên gia” (Khoản 1 Điều 19 Luật 22)

- Tổ chuyên gia gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn đấu thầu đối với lựa chọn nhà thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện một hoặc các công việc: *lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu*; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh; thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

Làm rõ khái niệm “Tổ thẩm định” (Khoản 2 Điều 19 Luật 22)

Tổ thẩm định gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được người có thẩm quyền, chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn đấu thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ để kiểm tra, xem xét sự phù hợp với quy định của pháp luật đối với một hoặc các nội dung: kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu.

Thay đổi thuật ngữ “Nhà thầu chính” (Khoản 26 Điều 4 Luật 22)

- Không sử dụng thuật ngữ “Nhà thầu chính”, chỉ sử dụng thuật ngữ “Nhà thầu”
- Nhà thầu là tổ chức, cá nhân hoặc kết hợp giữa các tổ chức hoặc giữa các cá nhân với nhau theo hình thức liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu.

VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU

VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU (Khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu)

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Đối với nhà thầu trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU (tiếp)

(Khoản 1 Điều 5)

- Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật này;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu *theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật 22;*
- *Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;*
- Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn;
- Đối với nhà thầu nước ngoài, phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU

Làm rõ tư cách hợp lệ đối với hộ kinh doanh cá thể (Khoản 2 Điều 5)

Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện:

- Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật đấu thầu;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật đấu thầu.

VỀ BẢO ĐẢM CẠNH TRANH

Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu (Điều 6 Luật 22)

Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Chủ đầu tư, bên mời thầu, *trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó hoặc là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.*

VỀ ƯU ĐÃI TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu (Điều 10 Luật 22)

* Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:

- Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam;
- Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu;
- Nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu;
- Nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác khi tham dự đấu thầu quốc tế;
- Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật;
- Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên.

**Ưu đãi đối với
gói thầu hàng hóa và hỗn hợp
(Điểm a khoản 3 Điều 10)**

Đối tượng được hưởng ưu đãi đối với gói thầu hàng hóa và hỗn hợp

- Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam;
- Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu;
- Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật.

Cách ưu đãi đối với gói thầu hàng hóa và hỗn hợp

- Cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá cố định, dựa trên kỹ thuật, kết hợp giữa kỹ thuật và giá để so sánh, xếp hạng;
- Cộng thêm số tiền vào giá dự thầu hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá để so sánh, xếp hạng.

Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam (Điều 5 NĐ)

Chia thành 2 trường hợp:

- Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước đến dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên
- Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên

**Ưu đãi đối với
gói thầu phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp
đấu thầu trong nước
(Điểm c khoản 3 Điều 10 Luật 22)**

Đối tượng được hưởng ưu đãi đối với gói thầu phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu trong nước

- Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên.
- Cách ưu đãi: Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.

**Ưu đãi đối với
gói thầu phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp
đấu thầu Quốc tế
(Điểm b khoản 3 Điều 10 Luật 22)**

Đối tượng hưởng ưu đãi đối với gói thầu phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu Quốc tế gồm:

- Nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu;
- Nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác khi tham dự đấu thầu quốc tế;

Cách ưu đãi đối với gói thầu phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp đấu thầu Quốc tế gồm

- Cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá cố định, dựa trên kỹ thuật, kết hợp giữa kỹ thuật và giá để so sánh, xếp hạng hoặc
- Cộng thêm số tiền vào giá dự thầu hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá để so sánh, xếp hạng.

Quy định riêng về ưu đãi đối với gói xây lắp

(Điểm đ khoản 2 Điều 10 Luật 22)

Gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ tham dự thầu. *Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đấu thầu lại và cho phép các doanh nghiệp khác được tham dự thầu.*

VỀ BẢO ĐẢM DỰ THẦU

Quy định cụ thể hơn về giá trị bảo đảm dự thầu (Khoản 4 Điều 14 Luật 22)

- Từ 1% đến 1,5% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng;
- Từ 1,5% đến 3% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu không thuộc trường hợp quy định nêu trên.

Tịch thu bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau (Điều 14 Luật 22)

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, nhà thầu rút hồ sơ dự thầu hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu 22 hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 17 của Luật 22;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 và Điều 75 của Luật 22;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Tịch thu bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau (Điều 14 Luật 22) (tiếp)

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

Điều chỉnh thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu (Khoản 6 Điều 14 Luật 22)

- Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại; bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu *trong thời hạn 14 ngày* kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.
- Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu *nhưng không quá 14 ngày* kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu, được phê duyệt

Quy định rõ về việc sử dụng khoản tích thu từ bảo đảm dự thầu (Khoản 10 Điều 14)

- Đối với các dự án, gói thầu có sử dụng vốn NSNN khoản thu này được nộp vào NSNN theo quy định của pháp luật về NSNN;
- Đối với các dự án, gói thầu không sử dụng vốn NSNN, dự án đầu tư kinh doanh, khoản thu này được sử dụng theo quy chế tài chính của chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền;
- Trường hợp bên mời thầu là đơn vị tư vấn đấu thầu do chủ đầu tư lựa chọn thì khoản thu này phải nộp lại cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư quản lý, sử dụng khoản thu này theo quy định nêu trên.

VỀ HÀNH VI BỊ CẤM TRONG ĐẦU THẦU

Về hành vi bị cấm trong đấu thầu (Điều 16- Luật 22)

**Bổ sung thêm hành vi sau vào nhóm hành vi
thông thầu (điểm c khoản 3 Điều 16):**

Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

VỀ HỦY THẦU

Các trường hợp hủy thầu (Điều 17)

- Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
- Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;
- Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật này;
- Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

TỔ CHUYÊN GIA VÀ TỔ THẨM ĐỊNH

Trách nhiệm của Tổ chuyên gia (Điều 80 Luật 22)

- 1. Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
- 2. Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đề xuất với bên mời thầu phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong đấu thầu (nếu có).
- 3. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
- 4. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.
- 5. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của Tổ thẩm định (Điều 81 Luật 22)

- 1. Hoạt động độc lập, khách quan khi tiến hành thẩm định.
- 2. Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan.
- 3. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình thẩm định.
- 4. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.
- 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, người có thẩm quyền, chủ đầu tư về kết quả thẩm định và các công việc được giao theo quy định tại Điều này.
- 6. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều kiện năng lực, kinh nghiệm đối với Tổ chuyên gia và Tổ thẩm định (Điều 20 NĐ)

1. Thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định phải đáp ứng yêu cầu sau đây:
 - a) Có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 dưới đây;
 - b) Tốt nghiệp đại học trở lên;
 - c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - d) Có tối thiểu 03 năm công tác thuộc một trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung pháp lý, kỹ thuật, tài chính của gói thầu: có kinh nghiệm hoặc thực hiện các nội dung liên quan đến kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu hoặc các công việc về tài chính hoặc các công việc về pháp lý.
2. Cá nhân thực hiện thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nhiệm vụ được giao (không bao gồm tư vấn đấu thầu) không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.
3. Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

VỀ KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án (Điều 36 Luật 22)

1. Căn cứ quy mô, tính chất công tác đấu thầu của dự án, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án có thể trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.
2. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được lập đồng thời hoặc độc lập với báo cáo nghiên cứu khả thi và được phê duyệt sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.
3. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu gồm những nội dung chủ yếu sau:
 - a) Xem xét bối cảnh thực hiện dự án đối với công tác đấu thầu;
 - b) Đánh giá năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm của chủ đầu tư đối với việc thực hiện các hoạt động đấu thầu của dự án;
 - c) Phân tích thị trường và xác định rủi ro trong đấu thầu;
 - d) Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu;
 - đ) Đề xuất kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án bao gồm: phân chia dự án thành các gói thầu; hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; loại hợp đồng, nguyên tắc phân chia quản lý rủi ro; tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu; các nội dung khác cần lưu ý trong soạn thảo hồ sơ mời thầu, quản lý thực hiện hợp đồng.
4. Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Khoản 2 Điều 40 Luật 22)

- Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đã phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;
- Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án không áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;
- Chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư của gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật này hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án.

Bổ sung thêm nội dung “Tùy chọn mua thêm” (Khoản 8 Điều 39 Luật 22)

- Tùy chọn mua thêm là khả năng chủ đầu tư mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng;
- Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm;
- Tùy chọn mua thêm được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá; khối lượng mua thêm không vượt 30% của khối lượng hạng mục tương ứng nêu trong hợp đồng; có dự toán được phê duyệt đối với khối lượng mua thêm; đơn giá của hàng hóa, dịch vụ mua thêm không được vượt đơn giá của các hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong hợp đồng; chỉ áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng.

Bổ sung thêm nội dung

“Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu”

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu tính từ khi bắt đầu tổ chức LCNT đến khi ra quyết định trúng thầu (Theo Thông tư số...)

Thay đổi “Thời gian thực hiện HĐ” thành “Thời gian thực hiện gói thầu”

Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có).

Tờ trình phê duyệt KHLCNT phải nêu lý do không áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi (Khoản 2 Điều 21 Luật 22)

- Trường hợp không đấu thầu rộng rãi, văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do không thực hiện đấu thầu rộng rãi; người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc không áp dụng đấu thầu rộng rãi.

Điểm mới của Thông tư hướng dẫn về lập KHLCNT

- Đăng tải kế hoạch LCNT *trong vòng 05 ngày làm việc*, kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành
- Gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu đã duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng không lựa chọn được nhà thầu, phải tổ chức đấu thầu lại thì không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt.

CĂN CỨ XÁC ĐỊNH GIÁ GÓI THẦU (Khoản 2 Điều 17 NĐ)

- **Giá gói thầu được lập theo một trong các thông tin sau:**

- Dự toán gói thầu được duyệt (nếu có) trong trường hợp pháp luật có quy định về việc lập dự toán hoặc có hướng dẫn về định mức, đơn giá. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập dự toán, giá gói thầu được xác định trên cơ sở các thông tin sau: giá trung bình theo thống kê của các dự án, gói thầu đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định; tổng mức đầu tư hoặc ước tính tổng mức đầu tư theo suất vốn đầu tư, dự kiến giá trị dự toán mua sắm; định mức lương chuyên gia và số ngày công; các thông tin liên quan khác;
- Nội dung và phạm vi công việc, số lượng chuyên gia, thời gian thực hiện, năng lực, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn, mức lương chuyên gia theo quy định của pháp luật (nếu có) và các yếu tố khác;

- Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng chủng loại hàng hóa hoặc dịch vụ trong thời gian 12 tháng trước ngày trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm hoặc giá thị trường của hàng hóa hay dịch vụ cần mua sắm để xây dựng giá gói thầu. Giá thị trường tại thời điểm mua sắm có thể được xác định thông qua tham vấn thị trường quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 của Nghị định này. Trường hợp trong thời gian 12 tháng trước ngày trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà không có kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự thì có thể xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự của các năm trước đó, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm, giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm. Khi trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đính kèm danh sách kết quả lựa chọn các hàng hóa, dịch vụ tương tự trích xuất từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu có);

- Báo giá của hàng hóa, dịch vụ, tối thiểu là 01 báo giá. Khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì lấy giá trung bình của các báo giá, trừ gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, dịch vụ kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Y tế (nếu có);
- Kết quả thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá hoặc của tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá. Trường hợp các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá thì kết quả thẩm định giá là căn cứ bắt buộc để xác định giá gói thầu;
- Giá kê khai, niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng, doanh nghiệp;
- Giá kê khai do cơ quan, đơn vị có chức năng, thẩm quyền công bố hoặc cung cấp.

VỀ HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Các hình thức lựa chọn nhà thầu

(Điều 20 Luật 22)

- Đấu thầu rộng rãi;
- Đấu thầu hạn chế;
- Chỉ định thầu;
- Chào hàng cạnh tranh;
- Mua sắm trực tiếp;
- Tự thực hiện;
- Tham gia thực hiện của cộng đồng;
- **Đàm phán giá;**
- Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

*Trường hợp phát sinh hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại khoản 1 Điều này, có tính ưu việt, sử dụng phương tiện điện tử tiên bộ, hiện đại, Chính phủ quy định về hình thức, quy trình, đối tượng phù hợp với tính năng mới của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu.*⁶⁶

Nghị định bổ sung thêm 2 hình thức

- Bổ sung hình thức CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN (Điều 99-102 NĐ)
- Bổ sung hình thức MUA SẮM TRỰC TUYẾN (Điều 103-105 NĐ)

Quy định chi tiết về gói thầu không quá 50 triệu (Khoản 4 Điều 23 Luật)

Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

VỀ HÌNH THỨC CHỈ ĐỊNH THẦU

BỔ sung phạm vi áp dụng hình thức chỉ định thầu

- Gói thầu cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;
- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại đến tính mạng và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề;
- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh hoặc duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; gói thầu mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường;
- Gói thầu cần thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước;

- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác;
- Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; gói thầu vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong trường hợp phải giao hàng ngay;
- Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; gói thầu thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch xây dựng được chỉ định cho tác giả của ý tưởng hoặc đồ án quy hoạch xây dựng đã trúng tuyển thông qua thi tuyển;
- Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công;

- Gói thầu chỉ có duy nhất một nhà thầu thực hiện được trên thị trường do yêu cầu về giải pháp công nghệ;
- Gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Gói thầu thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; gói thầu thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; gói thầu nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hằng năm;
- Gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá gói thầu trong hạn mức không quá 500 triệu đồng, gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng.

Làm rõ quy trình chỉ định thầu trong trường hợp cần mua gấp (Khoản 2 Điều 23 Luật)

- Đối với gói thầu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23, chủ đầu tư quyết định, chịu trách nhiệm việc chỉ định thầu theo quy trình rút gọn cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu bao gồm các bước sau: chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu; hoàn thiện hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Quy trình chỉ định thầu rút gọn với các gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu (Khoản 2 Điều 43 Luật)

- Đối với trường hợp quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật, người có thẩm quyền có thể quyết định áp dụng quy trình rút gọn bao gồm các bước sau: chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu; hoàn thiện hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.
- *Điểm m khoản 1 Điều 23 Luật gồm những trường hợp sau: Gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá gói thầu trong hạn mức không quá 500 triệu đồng, gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng*

Quy trình chỉ định thầu rút gọn áp dụng với các gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu (Khoản 3 Điều 79 NĐ)

Sau khi xong bước Kế hoạch LCNT thì thực hiện các bước sau đây

1. Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu:

Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác;

2. Hoàn thiện hợp đồng, trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, bên mời thầu và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để trình, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Việc công khai kết quả chỉ định thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 33 NĐ;

3. Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Quy trình chỉ định thầu rút gọn trong trường hợp cần mua gấp (Khoản 1 Điều 79 NĐ)

1. Áp dụng với các điểm a, b, c khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, không phải phê duyệt KHLCNT.
2. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu bao gồm các bước sau:
 - a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu trong đó xác định yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị tương ứng;
 - b) Hoàn thiện hợp đồng;
 - c) Trình, phê duyệt kết quả chỉ định thầu;
 - d) Ký kết hợp đồng với nhà thầu được chỉ định thầu;
 - đ) Quản lý thực hiện hợp đồng;
 - e) Công khai kết quả chỉ định thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

VỀ HÌNH THỨC CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

BỔ sung phạm vi áp dụng chào hàng cạnh tranh (Điều 24 Luật 22)

Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;
2. Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;
3. Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;
4. Gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp, trong đó nội dung xây lắp đáp ứng quy định tại khoản 3 nêu trên.

VỀ HÌNH THỨC MUA SẺ TRỰC TIẾP

Mua sắm trực tiếp (Điều 25 Luật 22)

1. Mua sắm trực tiếp được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự thuộc dự án, dự toán mua sắm của cùng một chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư khác và đáp ứng quy định tại khoản 2 dưới đây.

2. Mua sắm trực tiếp được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó;

b) Chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các loại hàng hóa thuộc gói thầu và khối lượng từng hạng mục công việc nhỏ hơn 130% so với khối lượng hạng mục tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm (nếu có);

c) Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng;

d) Thời gian từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

VỀ HÌNH THỨC CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN (Điều 99-102 NĐ)

Chào giá trực tuyến là một quá trình lặp lại nhiều lần trong đó nhà thầu sử dụng phương tiện điện tử để đưa ra mức giá mới hoặc giá trị mới cho yếu tố ngoài giá có thể định lượng được theo các tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ dự thầu để làm cơ sở cho việc xếp hạng hoặc xếp hạng lại hồ sơ dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Nguyên tắc chào giá trực tuyến

1. Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) trong thời gian chào giá trực tuyến. Mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) do các nhà thầu chào được công khai trên HTMĐTQG nhưng tên nhà thầu không được công khai. HTMĐTQG tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu trong thời gian chào giá trực tuyến; thời gian còn lại của quá trình chào giá trực tuyến.
2. Trường hợp giá dự thầu là yếu tố duy nhất được phép chào lại và gói thầu đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất mà có nhiều nhà thầu cùng chào giá thấp nhất thì nhà thầu chào giá đầu tiên thấp nhất trúng thầu.
3. Trường hợp không sử dụng phương pháp giá thấp nhất, HTMĐTQG tự động xếp hạng nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu mà có nhiều nhà thầu cùng xếp hạng thứ nhất thì nhà thầu xếp hạng thứ nhất đầu tiên trúng thầu.
4. Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến phải nằm trong khung giờ hành chính.
5. Các mức giá không được cao hơn giá gói thầu và không được cao hơn giá nhà thầu chào trước đó. Trường hợp giá dự thầu của tất cả nhà thầu vượt qua kỹ thuật vượt giá gói thầu và không có nhà thầu nào tham gia chào giá trực tuyến đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường; không có nhà thầu nào tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 8 Điều 132 ND.

**CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN
THEO QUY TRÌNH THÔNG THƯỜNG
(ĐIỀU 99 ND)**

Điều kiện áp dụng

1. Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;
2. Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; có sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp; tiêu chuẩn đánh giá quan trọng nhất là giá, không có hoặc ít có yếu tố tác động của chi phí vòng đời;
3. Nhóm hàng hóa, dịch vụ có thể áp dụng chào giá trực tuyến bao gồm:
 - Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu xây dựng cơ bản (quặng sắt, cốt liệu đường, vật liệu xây dựng, ống đồng và các nguyên liệu khác);
 - Thiết bị công nghệ thông tin đã được chuẩn hóa gồm máy tính, hộp mực, các modem và các thiết bị khác;
 - Giấy in, giấy photocopy, vật tư đơn giản, bóng đèn;
 - Mua quyền sử dụng phần mềm thương mại;
 - Năng lượng, than hoặc khí đốt;
 - Hóa chất;
 - Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vệ sinh, dịch vụ bảo trì;
 - Các hàng hóa, dịch vụ khác đáp ứng quy định tại điểm 1, điểm 2 nêu trên.

Quy trình chào giá trực tuyến thông thường (Điều 101NB)

1. Phê duyệt KHLCNT
2. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu
3. Tổ chức lựa chọn nhà thầu
4. Đánh giá hồ sơ dự thầu và tổ chức chào giá trực tuyến
5. Ghi nhận kết quả chào giá trực tuyến
6. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu
7. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

**CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN
THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN
(ĐIỀU 102 NĐ)**

Các trường hợp áp dụng

- Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn đối với dự toán mua sắm có giá trị không quá 300 triệu đồng;
- Gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng;
- Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn phải mua từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ hãng sản xuất khác và có nhiều nhà thầu có khả năng cung cấp.

Quy trình chào giá trực tuyến rút gọn (Điều 102 NĐ)

1. Chuẩn bị và gửi thông báo mời thầu trên cơ sở kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt:
2. Sau khi chủ đầu tư phê duyệt thông báo mời thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
3. Nhà thầu tham gia chào giá trực tuyến trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để chào giá cho các nội dung xác định trong thông báo mời thầu và được chào giá theo thời hạn quy định trong thông báo.
4. Để tham gia chào giá trực tuyến, nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu đáp ứng các yêu cầu trong thông báo mời thầu.
5. Ghi nhận kết quả chào giá trực tuyến:
6. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:
7. Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

VỀ HÌNH THỨC MUA SẺM TRỰC TUYẾN (Điều 103-105 NĐ)

Mua sắm trực tuyến là việc mua trực tiếp hàng hóa, dịch vụ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia từ nhà thầu đã trúng thầu gói thầu mua sắm tập trung.

Hình thức mua sắm trực tuyến (Điều 103 NĐ)

- Mua sắm trực tuyến phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và được áp dụng đối với hàng hóa của gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công có giá gói thầu trong hạn mức không quá 01 tỷ đồng.
- Thời gian áp dụng mua sắm trực tuyến đối với các hạng mục trong danh mục hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung là thời gian thực hiện hợp đồng trong trường hợp không ký thỏa thuận khung nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc thời gian có hiệu lực của thỏa thuận khung.

Quy trình mua sắm trực tuyến (Điều 104 NĐ)

1. HTMĐTQG tự động trích xuất thông tin về kết quả trúng thầu đối với mua sắm tập trung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm trực tuyến.
2. Căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ theo khoản 1 Điều 104 NĐ, chủ đầu tư có nhu cầu mua sắm trực tuyến đặt mua hàng hóa, dịch vụ trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung đơn hàng đối với từng hàng hóa, dịch vụ bao gồm: số lượng, khối lượng; phương thức vận chuyển và đơn giá vận chuyển (nếu có); đơn giá của hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có); phương thức thanh toán; địa điểm giao hàng hoặc địa điểm thực hiện; các thông tin cần thiết khác.
3. Đối với mỗi yêu cầu đặt hàng thành công, HTMĐTQG tự động gửi thông báo cho nhà thầu đã trúng thầu theo thỏa thuận khung đã ký trước đó.
4. HTMĐTQG hiển thị thông báo trong trường hợp nhà thầu không chấp nhận đơn hàng và gửi thông báo đến đơn vị đặt mua.
5. Công khai kết quả mua sắm trực tuyến.
6. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 NĐ. Nhà thầu quản lý các yêu cầu đặt hàng thành công và chịu trách nhiệm cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (Điều 29 Luật 22)

- Gói thầu có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ
- Thủ tướng Chính phủ quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này

VỀ lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (Điều 29) (Tiếp)

- Lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan tài phán nước ngoài hoặc quốc tế;
- Gói thầu về đào tạo chuyên sâu cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ sở đào tạo nước ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho cán bộ, công chức do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao;
- Gói thầu thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, bao gồm: tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình và phương tiện thông tin đại chúng khác trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí tuyên truyền trực tiếp ký hợp đồng với các cơ quan này để thực hiện; tổ chức chương trình nghệ thuật đặc biệt; hợp tác sản xuất phim.

VỀ lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (Điều 29) (Tiếp)

- Gói thầu sản xuất và lắp đặt sân khấu phục vụ sản xuất chương trình phát sóng gắn liền với ý tưởng thực hiện; thuê địa điểm để tổ chức sản xuất, ghi hình chương trình mang tính nghệ thuật cao;
- Gói thầu cung cấp dịch vụ in ấn, cung cấp tem, biên lai, niêm phong theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan; gói thầu mua chó nghiệp vụ, đào tạo chó nghiệp vụ, mua ma túy, chất nổ, mẫu tâm nguồn hơi ma túy, chất nổ để huấn luyện chó nghiệp vụ.

Các trường hợp quy định tại slide số 87-88 này, thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm thuộc về Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

VỀ PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Phương thức lựa chọn nhà thầu (Điều 30, 31 Luật 22)

Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ (Điều 30)

* Áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật 22;
- Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp;
- Chỉ định thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp;
- Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.

Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ (Điều 31)

Áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;
- Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điểm mới về quy trình LCNT

- Bỏ thủ tục phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu
- Trừ gói thầu dịch vụ tư vấn, không bắt buộc có bước thương thảo HĐ với các gói thầu còn lại
- Bỏ các quy định về thời gian tối đa đánh giá, tối đa thẩm định, tối đa phê duyệt...

Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu (Điều 43 Luật)

Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế bao gồm các bước sau đây (Điều 43):

- Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- Đánh giá hồ sơ dự thầu;
- *Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.*

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, trường hợp cần thiết, bên mời thầu có thể thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

- Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có);
- Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU

Nội dung hồ sơ mời thầu (Điều 44 Luật)

Hồ sơ mời thầu bao gồm:

- Chỉ dẫn nhà thầu, **tùy chọn mua thêm (nếu có)**;
- Bảng dữ liệu đấu thầu;
- Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; kỹ thuật; tài chính, thương mại; uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và chất lượng hàng hóa tương tự đã sử dụng.

Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, hồ sơ mời thầu phải nêu rõ phạm vi công việc và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt;

- Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;
- Phạm vi cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật, điều khoản tham chiếu;
- Điều kiện và biểu mẫu hợp đồng;
- Các hồ sơ, bản vẽ và các nội dung khác (nếu có).

Hồ sơ mời thầu cho phép nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ (Khoản 2 Điều 44)

➤ Khoản 2 Điều 44 quy định như sau:

- Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.

- Trường hợp gói thầu đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 23 của Luật 22 nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh để lựa chọn nhà thầu thì hồ sơ mời thầu được quy định về xuất xứ, nhãn hiệu của hàng hóa”.

Lập hồ sơ mời thầu (Khoản 9 Điều 25 NĐ)

HSMT có thể quy định về xuất xứ của hàng hóa theo một hoặc các cách sau:

- Xuất xứ theo các quốc gia, vùng lãnh thổ theo các khu vực địa lý (Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Đại Dương, Châu Phi, Châu Á hoặc các khu vực địa lý khác). Trường hợp xác định theo khu vực địa lý mà có ít hơn 07 quốc gia, vùng lãnh thổ thì phải xác định kết hợp các quốc gia, vùng lãnh thổ ở các khu vực địa lý khác nhau. Chủ đầu tư có thể quy định thêm xuất xứ từ quốc gia, vùng lãnh thổ ngoài quốc gia, vùng lãnh thổ theo khu vực địa lý;
- Xuất xứ theo nhóm nước từ một nhóm quốc gia, vùng lãnh thổ nhưng tối thiểu phải bao gồm 07 quốc gia, vùng lãnh thổ có sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp hàng hóa cần mua có xuất xứ từ ít hơn 07 quốc gia, vùng lãnh thổ, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định việc quy định về số lượng quốc gia, vùng lãnh thổ xuất xứ của hàng hóa đó.
- Trường hợp hồ sơ mời thầu có quy định về xuất xứ và không có xuất xứ Việt Nam thì hàng hóa xuất xứ Việt Nam vẫn được xem xét, đánh giá.

Lập hồ sơ mời thầu (Khoản 9 Điều 25 NĐ) (tiếp)

- Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “*hoặc tương đương*” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có).

Các nội dung bị coi là vô hiệu trong HSMT (Khoản 3, 4 Điều 44 Luật 22)

- Hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

- Trường hợp hồ sơ mời thầu có các nội dung vi phạm quy định nêu trên thì các nội dung này sẽ bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN

Quy định về thời gian trong lựa chọn nhà thầu (Điều 45 Luật 22)

- Bỏ tất cả các quy định “tối đa” về thời gian như thời gian tối đa đánh giá, thẩm định, phê duyệt...
- Chỉ quy định các mốc thời gian “tối thiểu” để bảo vệ quyền lợi cho nhà thầu như thời gian tối thiểu chuẩn bị E-HSDT, sửa đổi bổ sung E-HSMT tối thiểu ...

Quy định về thời gian trong lựa chọn nhà thầu (Điều 45)

Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là **18 ngày đối với đấu thầu trong nước**, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là **09 ngày đối với đấu thầu trong nước**, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế;

LỰA CHỌN NHÀ THẦU QUA MẠNG

Lựa chọn nhà thầu qua mạng (Điều 50 Luật)

Các nội dung lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm:

a) Đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu;

b) Lập, **thẩm định, phê duyệt** hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

c) Lập, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

d) Mở thầu;

đ) Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, mời thương thảo hợp đồng, **thẩm định, phê duyệt** kết quả lựa chọn nhà thầu;

e) Thỏa thuận liên danh, bảo lãnh dự thầu điện tử, bảo lãnh thực hiện hợp đồng điện tử;

g) Làm rõ các nội dung trong đấu thầu;

h) Gửi và nhận đơn kiến nghị;

i) **Hợp đồng điện tử;**

k) **Thanh toán điện tử.**

Lựa chọn nhà thầu qua mạng (tiếp)

- Văn bản điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có giá trị theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân.
- Các chi phí trong đấu thầu qua mạng bao gồm: chi phí tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật 22, tham dự thầu, ký kết hợp đồng và các chi phí khác khi đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Chính phủ quy định việc kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 51 của Luật 22; kỹ thuật đấu thầu qua mạng phù hợp với tính năng và sự phát triển của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; quy trình, thủ tục, chi phí đấu thầu qua mạng; lộ trình lựa chọn nhà đầu tư qua mạng; những trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG **(Điều 68 Luật 22)**

Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ các trường hợp sau đây:

- Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;
- Nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện hoặc hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng;
- *Nhà thầu thực hiện gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 của Luật 22, cụ thể:*

Gói thầu thuộc dự toán mua sắm có giá gói thầu trong hạn mức từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, bao gồm: gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá gói thầu trong hạn mức ≤ 500 triệu đồng, gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu trong hạn mức ≤ 01 tỷ đồng.

Giá trị của bảo đảm thực hiện HĐ (Khoản 4 Điều 68 Luật 22)

- Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá hợp đồng.

HỢP ĐỒNG



Về các loại hợp đồng (Điều 64 Luật 22)

1. Hợp đồng trọn gói:
2. Hợp đồng theo đơn giá cố định:
3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:
4. Hợp đồng theo thời gian:
5. Hợp đồng theo chi phí cộng phí:
6. Hợp đồng theo kết quả đầu ra:
7. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm:
8. Hợp đồng hỗn hợp:

Quy định hợp đồng trọn gói khác so với Luật 43 (Điều 64 Luật)

- Quy định phạm vi phải áp dụng hợp đồng trọn gói khác so với trước “Hợp đồng trọn gói được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ, **ít có khả năng thay đổi về khối lượng**, yêu cầu kỹ thuật, các điều kiện không lường trước được”.
- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, ***trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi;***

Hợp đồng theo chi phí cộng phí (khoản 5 Điều 64)

Hợp đồng theo chi phí cộng phí được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung, lợi nhuận, phương pháp tính theo chi phí trực tiếp; phương pháp xác định chi phí trực tiếp làm căn cứ để tính toán chi phí trực tiếp và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

*** Hợp đồng theo kết quả đầu ra (khoản 6 Điều 64):**

Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. Hợp đồng phải nêu rõ yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, quy định về điều chỉnh giá (nếu có) và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.

*** Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (khoản 7 Điều 64):**

Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.

SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

(ĐIỀU 70 Luật 22)

Sửa đổi hợp đồng có thể thực hiện trong các trường hợp sau đây (Khoản 1 Điều 70)

- Các trường hợp do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật;
- Trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự;
- Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư.

Các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định trong HĐ

- Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện HĐ và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia HĐ;
- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ HĐ;
- Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện HĐ mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;
- Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong HĐ, tạm dừng HĐ do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ HĐ mà không do lỗi của nhà thầu;
- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.

Các trường hợp không phải sửa đổi hợp đồng (Khoản 5 Điều 70)

Các bên không phải ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng đối với trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và nội dung khác đã được quy định trong hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Không vượt giá gói thầu ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trường hợp dự toán gói thầu được phê duyệt sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì không vượt dự toán gói thầu;
- Không vượt thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng;
- Phương pháp, công thức, hạng mục và các nội dung cần thiết để điều chỉnh đã quy định trong hợp đồng.

SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG (ĐIỀU 107 NBĐ)

Các trường hợp phải sửa đổi HĐ

(Khoản 2 Điều 107 NBĐ)

- Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng;
- Sự kiện bất khả kháng;
- Thay đổi phương thức vận chuyển, địa điểm giao hàng, dịch vụ liên quan đối với gói thầu mua sắm hàng hóa;
- Bổ sung khối lượng, số lượng công việc thuộc tùy chọn mua thêm ngoài khối lượng, số lượng nêu trong hợp đồng. Trong trường hợp này, văn bản sửa đổi hợp đồng phải quy định rõ khối lượng, giá trị, thời gian giao hàng hoặc thời gian hoàn thành dịch vụ đối với công việc bổ sung và các nội dung cần thiết khác. Thời gian giao hàng hoặc thời gian hoàn thành dịch vụ cho khối lượng công việc bổ sung có thể nằm ngoài thời gian thực hiện hợp đồng ban đầu nhưng phải được người có thẩm quyền cho phép. Chủ đầu tư được áp dụng tùy chọn mua thêm nhiều lần nhưng không vượt mức tối đa nêu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
- Trường hợp tại thời điểm áp dụng tùy chọn mua thêm, nhà nước thay đổi chính sách thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa, dịch vụ thuộc tùy chọn mua thêm không được vượt giá trị trước thuế của hàng hóa, dịch vụ trong hợp đồng đã ký cộng với thuế giá trị gia tăng tại thời điểm áp dụng tùy chọn mua thêm;

Các trường hợp phải sửa đổi HĐ

(Khoản 2 Điều 107) (tiếp)

- Thay đổi về thiết kế được duyệt;
- Một hoặc các bên đề xuất các sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;
- Thay đổi tiến độ hợp đồng nêu tại khoản 3 Điều 70 của Luật Đấu thầu;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, bao gồm khối lượng, giá và các nội dung khác.

Khi chỉ số giá và các yếu tố khác biến động theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, chủ đầu tư và nhà thầu có thể xem xét sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng bảo đảm phù hợp với quy định về sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản quy định tại pháp luật dân sự.

Các trường hợp không phải sửa đổi HĐ

(Khoản 5 Điều 107 NĐ)

- Điều chỉnh giá HĐ do lạm phát, giảm phát đối với HĐ theo đơn giá điều chỉnh, HĐ theo thời gian, HĐ theo kết quả đầu ra (nếu có) theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 108 của Nghị định;
- b) Tăng, giảm khối lượng đối với HĐ theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn áp dụng HĐ theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, việc bổ sung khối lượng thuộc tùy chọn mua thêm áp dụng sửa đổi HĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;
- Tăng, giảm thời gian đối với HĐ theo thời gian; tăng, giảm chi phí trực tiếp thực hiện đối với HĐ chi phí cộng phí; tăng, giảm giá trị cơ sở để tính phần trăm chi phí đối với HĐ theo tỷ lệ phần trăm; tăng, giảm mức giảm trừ thanh toán, mức tăng giá trị thanh toán đối với HĐ theo kết quả đầu ra;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.
- Trường hợp việc thay đổi các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 107 dẫn đến không đáp ứng một hoặc các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 70 của Luật Đấu thầu thì phải báo cáo người có thẩm quyền cho phép sửa đổi HĐ.